

CLOISONNE CHÂU ÂU VÀ PHÁP LANG TRUNG HOA

Hà Việt Hùng (*)

1. Tên gọi Pháp lang - Pháp lam

Khi nhắc đến nghệ thuật chế tác *pháp lang* 珐瑯 hay *pháp lam* (cách gọi kiểu Việt Nam), tuy có nhiều chủng loại khác nhau nhưng người ta nghĩ ngay đến loại sản phẩm với thai cốt bằng đồng, bên ngoài được mung phủ bởi chất liệu men màu, lấp đầy các họa tiết trang trí trên thai cốt. Các họa tiết này thường được định hình bởi các sợi đồng mảnh hàn trên bề mặt thai cốt. Người Trung Hoa gọi các sản phẩm này là *kháp ti pháp lang* 掐絲珐瑯, một loại hình trong dòng sản phẩm gọi chung là *pháp lang khí* 珐瑯器.

Kỹ thuật chế tác *pháp lang khí* Trung Hoa, mà thừa ban đầu ở loại hình *kháp ti pháp lang*, được cho là khởi đầu bởi sự du nhập kỹ thuật chế tác đồng tráng men *cloisonne* từ Âu châu vào Trung Quốc sau cuộc viễn chinh của người Mông sang đế quốc Đông La Mã Byzantium, thế kỷ 14. Tại Âu châu từ thế kỷ 10, 11 vốn đã thịnh hành kỹ thuật chế tác *cloisonne*. Gốc tích xuất xứ của nó có thể là từ khu vực Cận Đông và có từ thời cổ đại. Bảo tàng Victoria & Albert (V&A) ở London Anh Quốc còn lưu giữ nhiều hiện vật đồng phủ men có niên đại thế kỷ 11, 12 mang những biểu trưng Cơ Đốc giáo, và cả những hiện vật có niên đại từ đầu thế kỷ 9.

Liu Liangyou (劉良佑 *Lưu Lương Hữu*) trong *Trung Hoa bách khoa toàn thư* 中華百科全書 [5] cho rằng bởi xa xưa Trung Quốc gọi đế quốc Đông La Mã là Folin (佛林 *Phật lâm*), do vậy các sản phẩm đồng tráng men ở thể loại *cloisonne* từ đó cũng được người Trung Hoa gọi là *phật lâm* 佛林 (folin, fulin), về sau do khẩu âm thay đổi, nên đọc là *phật lang* 佛郎 (folang), rồi *pháp lang* 法郎 (falang), rồi về sau nữa do kỹ thuật chế tác còn cần một công đoạn mài và đánh bóng bề mặt sản phẩm cho thêm phần bóng bẩy (như châu ngọc), nên mới thêm bộ *ngọc* 玉 vào để viết thành *pháp lang* 珐瑯. Cũng theo Liu Liangyou, ở giai đoạn nhà Minh triều Cảnh Thái 景泰 (khoảng 1450-1456), *pháp lang* được chế tác có men nền màu *lam* 藍 làm chủ đạo, và vì âm *lam* 藍 (lan) và *lang* 瑯 (lang) gần giống nhau, nên Cảnh Thái (*pháp*) lang 景泰(珐)瑯 đã được định danh thành Cảnh Thái lam 景泰藍.



Ảnh 1, 2: Hiện vật ở Bảo tàng V&A niên đại thế kỷ 12 (trái) [7] so với Cảnh Thái lam, hiện vật ở National Palace Museum (NPM), Đài Loan [6]

Cách gọi quốc gia *Phật lâm* 佛林 (Folin) chỉ đế quốc Đông La Mã Byzantium được ghi nhận từ rất sớm. Ít ra nó đã có mặt trong *Đường thư* 唐書⁽¹⁾ và cũng được nhắc lại về sau, chẳng hạn trong *Minh thực lục* 明實錄, ở phần văn bản thuộc năm Hồng Vũ thứ 4, ngày 28 tháng Tám⁽²⁾. Một tài liệu muộn hơn là sách *Thù vực chu tư lục* 殊域周咨錄, viết bởi *Nghiêm Tùng Giản* 嚴從簡 năm 1574, cũng nhắc đến *Phật lâm* 佛林 (Folin)⁽³⁾. Theo đó, Folin phân biệt hoàn toàn với nước Pháp - *Phật lang cơ* 佛郎機 (Folangji). Nói cách khác, nước Pháp *Phật lang cơ* 佛郎機 không liên quan gì đến cách gọi tên các chủng loại *pháp lang khí* ban đầu là *phật lang* 佛郎.

Sách *Cách cổ yếu luận* 格古要論, hoàn thành năm 1387 được viết bởi *Tào Chiêu* 曹昭, tự *Tào Minh Trọng* 曹明仲, đã từng lược thuật về kỹ thuật chế tác *pháp lang khí* [4].

Ở Việt Nam, các sản phẩm *pháp lang khí* được gọi là *pháp lam*. Nhiều nhà nghiên cứu đã thử lý giải về cách gọi của người Việt, *pháp lam* (với chữ Nho *lam* có viết thêm bộ *ngọc* 玉) chứ không phải *pháp lang*. Chẳng hạn có những ý

kiến dẫn *Đại Nam thực lục* cho hay định danh *pháp lam* có xuất xứ vào đầu thời Nguyễn, khi vào năm Minh Mạng thứ 8 (1827) tháng 11 mùa đông triều đình đã đặt ra *pháp lam tượng cục*, và xem đó là nơi chế tác những vật phẩm *pháp lam* vốn hiện diện chủ yếu ở kinh thành Huế, gần tương đương với thể loại *pháp lang khí* Trung Hoa. Tiến sĩ Trần Đức Anh Sơn dẫn ý kiến của cố họa sĩ Phạm Đăng Trí hay nhà nghiên cứu Trần Đình Sơn cho rằng âm *lang*, do gần giống tên chúa Nguyễn Phúc Lan hay tên bà Tống Thị Lan (chính cung của vua Gia Long) nên phải được đọc và viết lại thành *lam* để tránh việc phạm húy [2].

Trong một bài viết, giáo sư Nguyễn Đình Đầu cũng ghi nhận: "*pháp* (bộ ngọc) là tên một loại men "lấy từ mỏ ra" chứ không phải loại men của Pháp hay cách tráng men theo kiểu Pháp" [1], dù kỹ thuật tráng men trên kim loại để chế tác *pháp lang khí* vốn du nhập từ Âu châu vào Trung Quốc (và rồi từ Trung Quốc mới du nhập sang Việt Nam).

2. Các thể loại Pháp lang khí Trung Hoa

Pháp lang khí là thuật ngữ để chỉ các món kim khí có phủ men màu (gọi là men *pháp lang*) rồi sản phẩm được nung và hoàn thiện. Các vật dụng này chủ yếu thuộc loại *thịnh trang khí* 盛装器 - các vật dụng để đựng kiem trang trí. Kim loại làm thai cốt phổ biến là đồng, nhưng cũng có thể là sắt, bạc, vàng và các dạng hợp kim của chúng. Theo nhiều tư liệu, các thể loại *pháp lang khí* chủ yếu gồm *kháp ti pháp lang*, *họa pháp lang* 畫琺瑯 và *tạm thai pháp lang* 鑿胎琺瑯 hay còn gọi là *nội điền pháp lang* 內填琺瑯. Đây là cách phân loại theo kỹ thuật chế tác. Có tài liệu định danh một thể loại là *thấu minh pháp lang* 透明琺瑯, chẳng hạn theo Trần Đức Anh Sơn, khi dẫn cuốn sách *Cổ cung tàng kim thuộc thai pháp lang khí* của Trần Lệ Hoa [3]. Vấn đề sử dụng men *thấu minh* 透明 (men trong) và men *bất thấu minh* 不透明 (men đục) trong các chủng loại *pháp lang khí*, chúng tôi sẽ đề cập dưới đây.

2.1. Kháp ti pháp lang (e. Cloisonne): Là thể loại *pháp lang khí* dùng các chỉ đồng tạo ô hoa văn. Loại hình này du nhập từ châu Âu vào Trung Quốc khoảng thế kỷ 14. Thời kỳ này ở Trung Quốc kỹ thuật chế tác đồ đồng vốn đã cực kỳ phát triển, mặt khác kỹ thuật chế tác đồ gốm sứ cũng như sử dụng các loại men bột màu còn có phần vượt trội hơn so với phương Tây. Do đó Trung Quốc nhanh chóng hấp thu kỹ thuật *cloisonne*: lấy đồng làm thai cốt và dùng các chỉ đồng để tạo hoa văn, phủ men màu rồi nung và hoàn thiện. Do có các sợi chỉ (*ti* 絲) đồng nên gọi *kháp ti pháp lang*. Như đã nói, thời Minh Cảnh Thái xác lập một chuẩn mực cho *pháp lang khí* với danh xưng *Cảnh Thái lam* (ảnh 2,3).



Ảnh 3: Cảnh Thái lam, hiện vật ở Bảo tàng NPM [6]

Theo Liu Liangyou [5], quá trình chế tác *kháp ti pháp lang* có thể phân thành các bước cơ bản như sau:

- Bước 1: đúc thai cốt (phổ biến là bằng đồng) (*chú thai - quỳên thai* 鑄胎 - 圈胎).
- Bước 2: dàn các chỉ đồng để tạo hoa văn (*bàn ti cấu đồ* 盤絲構圖).
- Bước 3: hàn các hoa văn (*hãn ti bố hoa* 鐸絲布花).
- Bước 4: vẽ các men màu vào các ô hoa văn (*thượng dược điền sắc* 上藥填色).
- Bước 5: nhập lò và nung sản phẩm (*nhập lô thiêu chế* 入爐燒製).
- Bước 6: mài dũa lại sản phẩm, bổ túc màu (*đả ma bổ sắc* 打磨補色).
- Bước 7: Nung lại lần 2 (*nhị độ hồi thiêu* 二度回燒).
- Bước 8: Đánh bóng lại vật phẩm (*đả ma thượng quang* 打磨上光).

Quan sát các hiện vật *kháp ti pháp lang* thời Minh ở bảo tàng National Palace Museum (NPM) Đài Loan, có thể nhận thấy đặc điểm mỗi ô hoa văn chứa một men màu đơn sắc, dạng men đục. Các màu cơ bản là xanh lam, xanh da trời, đỏ, vàng, xanh lục, trắng đục. Muộn hơn, các món *kháp ti pháp lang* thời Thanh Càn Long 乾隆 (1736-1795) hầu như cũng theo kiểu thức tương tự nhưng màu sắc có phần thêm đa dạng (ảnh 4, 5). Ngoài ra khi đó thể loại *họa pháp lang* phát triển, đã có hình thức kết hợp *kháp ti pháp lang* với *họa pháp lang*.



Ảnh 4, 5: Kháp ti pháp lang thời Thanh Càn Long, hiện vật ở Bảo tàng NPM [6]

2.2. Họa pháp lang (e. *Painted enamel*): Nghệ thuật *họa pháp lang* du nhập vào Trung Quốc muộn hơn, theo chân những thương nhân hay giáo sĩ phương Tây, và trở nên phổ biến vào đầu thế kỷ 18. Kỹ thuật này sử dụng men màu để vẽ (*họa 畫*) trực tiếp lên thai cốt. Thai cốt sản phẩm không chỉ làm bằng kim loại mà còn có thể là gốm sứ (*đào từ khí 陶瓷器*) hay pha lê (*pha li khí 玻璃器*). Men màu *pháp lang* sau khi được nung ở nhiệt độ từ 600 đến 900 độ C sẽ nóng chảy ra phủ lên thai cốt. Đặc điểm trong *họa pháp lang* là sử dụng loại men dạng đục (*bất thấu minh*) như *kháp ti pháp lang*, nhưng do chất liệu men màu và việc vẽ trực tiếp lên thai cốt chứ không bị ngăn cách bởi các sợi chỉ đồng nên sau khi nung có những hòa sắc, có độ chuyển tiếp đậm nhạt sáng tối..., làm cho sản phẩm thêm hoa mỹ. Kỹ thuật hòa sắc chịu ảnh hưởng từ họa pháp của những họa sĩ Âu châu (đồng thời cũng là giáo sĩ) phục vụ trong cung đình Trung Hoa.

Ban đầu, kỹ thuật họa pháp lang Trung Hoa phát triển ở vùng Quảng Đông, nên gọi là *Quảng Đông pháp lang* 廣東琺瑯. Cũng bởi xuất xứ từ phương Tây du nhập sang, nên còn được gọi là *ương từ pháp lang* 洋瓷琺瑯.



Ảnh 6, 7: Họa pháp lang Thụy Sĩ thế kỷ 18 và họa pháp lang Pháp, hiện vật ở Bảo tàng NPM [6]



Ảnh 8, 9: *Họa pháp lang* thời Khang Hi (1662-1722) (hình trái) và Ung Chính (1723-1735) (hình phải), hiện vật ở Bảo tàng NPM [6]



Ảnh 10, 11: *Họa pháp lang* thời Càn Long trên thai cốt đồng và thai cốt vàng (hình phải, kết hợp với khạp ti pháp lang), hiện vật ở Bảo tàng NPM [6]

2.3. Tạm thai pháp lang (e. *Champleve*): Thể loại này còn gọi là *nội điền pháp lang*, bắt đầu được chế tác từ thời Thanh Khang Hi, vốn du nhập Trung Hoa cùng thời với *họa pháp lang*. Ở châu Âu, trước đó đã có các sản phẩm nổi danh của vùng Limoges nước Pháp, vốn từng phát triển kỹ thuật vẽ men màu trên kim loại mà không dùng các chỉ đồng để phân ô hình trang trí. Các họa tiết sẽ được chạm lõm vào thai cốt (Trung Hoa gọi là *tạm thai* 鑿胎) để thành hình hoa văn. Men *pháp lang* được lấp đầy vào (*nội điền* 内填) và nung ra thành phẩm. Trong khi *khạp ti pháp lang* và *họa pháp*

lang chủ yếu dùng men dạng đục (bát thấu minh), nội điền pháp lang lại chủ yếu dùng men dạng trong (thấu minh), nung ra thành phẩm mà không cần đánh bóng lại. Có dạng nội điền pháp lang kết hợp với họa pháp lang (ảnh 13).



Ảnh 12, 13: Nội điền pháp lang thời Càn Long, hiện vật ở Bảo tàng NPM [6]

3. Pháp lang thái 琺瑯彩

Pháp lang thái là thuật ngữ để chỉ men màu pháp lang. Ngoài việc được sử dụng trên kim khí để tạo tác các thể loại pháp lang khí, nó còn được sử dụng trên gốm sứ - đồ từ khí 陶瓷器, thủy tinh - pha li khí 玻璃器. Khi đó chủ yếu là ở kiểu thức họa pháp lang, vẽ men trực tiếp trên bề mặt thai cốt và sau khi nung sẽ có những hòa sắc, có độ đậm nhạt.



Ảnh 14, 15: Họa pháp lang thời Khang Hi trên gốm Nghi Hưng (hình trái) và họa pháp lang thời Ung Chính trên pha li, Bảo tàng NPM [6]

Trên đồ gốm sứ Trung Hoa, men màu *pháp lang* được dùng phổ biến kể từ thời Thanh Khang Hi. Thai cốt có thể là gốm Yixing (宜兴 *Nghi Hưng*) (ảnh 14), hoặc đồ sứ Jingdezhen (景德镇 *Cảnh Đức trấn*) mà tiêu biểu là các sản phẩm mang danh *Cổ Nguyệt Hiên* 古月軒 hay các sản phẩm chế tác bởi Tang Ying (唐英 *Đường Anh*), vị quan coi sóc lò gốm sứ hoàng gia thời Càn Long (ảnh 16). Trên thai cốt pha li (pha lê) hay thủy tinh, kiểu thức *họa pháp lang* cũng đã được ứng dụng, và sản phẩm trải từ triều Khang Hi, Ung Chính đến Càn Long (ảnh 15, 17).

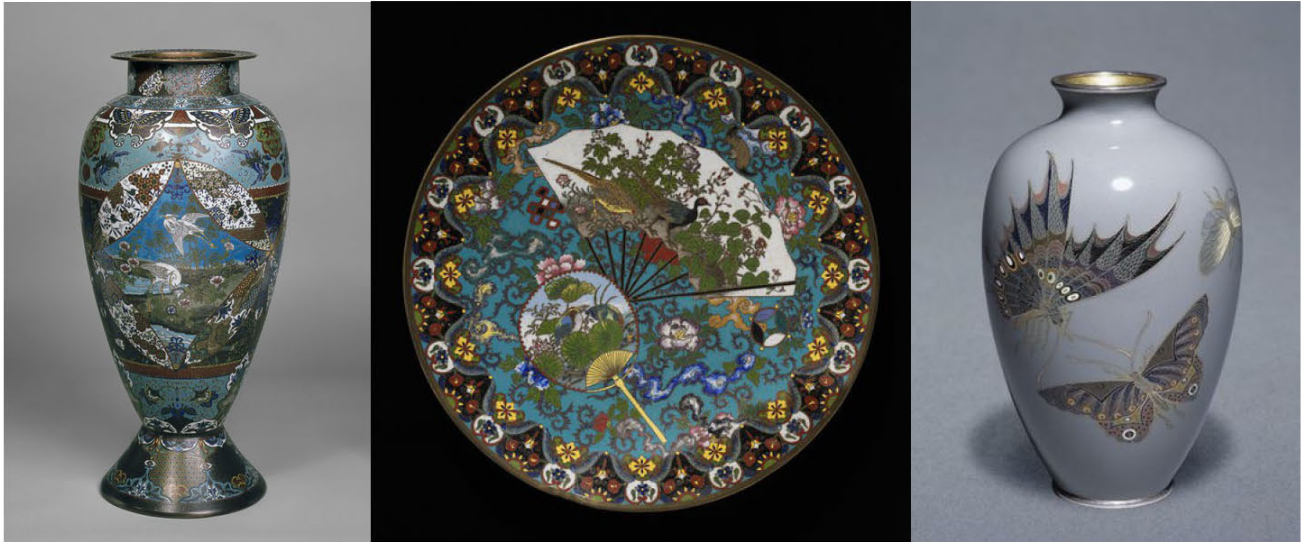
Men *pháp lang* còn được gọi là *pha li chất* 玻璃質 (e. *vitreous enamel*). Từ điển Hán Việt của Thiều Chửu giải thích *pha li* (lê) 玻璃 (cũng còn gọi là *lưu li* 琉璃) là cách gọi một loại ngọc lam có nguồn gốc từ Tây Vực, và cũng là từ dùng để chỉ thủy tinh lọc trong. Bản chất men bột *pháp lang* có gốc từ khoáng chất thạch anh 石英 (e. *quartz*), trường thạch 長石 (e. *feldspar*) và một số khoáng chất khác chứa Silicat (Si), Borat (B) [4]. Sau khi nung, men bột chảy ra và lấp đầy các ô hình trang trí. Như đã nói ở trên, có dạng men đục dùng cho *kháp ti pháp lang* và *họa pháp lang*, cùng dạng men trong dùng cho *nội điền pháp lang*. Ngoài ra, chất màu trắng đục còn gọi là *pha li bạch* 玻璃白 bắt đầu được sử dụng phổ biến trong *họa pháp lang* vào thời Thanh để tạo sự chuyển tiếp sắc độ. Cũng từ đó, trong kỹ thuật chế tác đồ sứ, men *pháp lang* đã được sử dụng để phát triển loại hình đồ sứ *duyng thái* 洋彩 và *phân thái* 粉彩 rất hoa mỹ (*). Khảo sát thực tế trên các hiện vật sứ dùng kỹ thuật *họa pháp lang* hay các hiện vật *pháp lang khí* nói chung, có thể thấy rõ đặc điểm men *pháp lang* không hề có sự ràng buộc với yếu tố sắc màu *lam* phải là chủ đạo, mà khá phong phú về màu sắc.



Ảnh 16, 17: Họa pháp lang thời Càn Long trên đồ sứ (hình trái) và pha li (hình phải), hiện vật ở Bảo tàng NPM [6]

4. Shippo - pháp lam Nhật Bản

Nhật Bản đã tiếp thu và phát triển các kỹ thuật chế tác *pháp lang khí* từ Trung Quốc và từ châu Âu. Người Nhật dùng thuật ngữ *shippo* để chỉ chung các sản phẩm *cloisonne enamel*, hay *shippo-yaki* tương đương *pháp lang khí*. Tương đương với *kháp ti pháp lang* là loại hình *yusen-shippo*, mà thai cốt chủ yếu bằng kim loại (đồng, bạc) và thường sử dụng các sợi chỉ bằng bạc để tạo hình hoa văn. Chữ *Shippo* (Thất bảo 七宝, e. *Seven Treasures*) có nguồn gốc từ kinh Phật dùng để gọi bảy loại châu báu (chẳng hạn vàng, bạc, ngọc lục bảo (e. *emerald*), san hô, đá mã não, đá màu xanh da trời (e. *lapis lazuli*), vỏ sò, ngọc trai, ...) [7]. Tuy các vật phẩm *pháp lang khí* từng được tìm thấy ở Nhật trong các lăng mộ có niên đại từ thế kỷ 7, nhưng việc chế tác *shippo* - pháp lam Nhật Bản chỉ thực sự được phát triển từ 1833 tại Nagoya bởi Tsunekichi Kaji [8]. Trang web của tỉnh Aichi (thủ phủ là Nagoya) gồm vùng Owari xưa là trung tâm sản xuất *shippo-yaki* và nay có thị trấn Shippo ghi nhận rằng Tsunekichi Kaji đã khám phá bí quyết chế tác *shippo* từ dòng *cloisonne enamel* xuất xứ Hà Lan. Các nghệ nhân của Owari thời đó như Kodenzi Hayashi, Namikawa Yasuyuki... đã đưa sản phẩm *shippo-yaki* đến nhiều triển lãm ở nước ngoài và dành nhiều giải thưởng.



Ảnh 18, 19, 20: Pháp lam Nhật Bản cuối tk 19, hiện vật ở Bảo tàng V&A [7]

5. Pháp lam Huế Việt Nam

Nghệ thuật *pháp lam* từ Trung Quốc du nhập vào Việt Nam và phát triển kể từ thời Nguyễn triều vua Minh Mạng. Ông Vũ Văn Mai là người học được kỹ thuật *họa pháp lam* từ thợ Quảng Đông và ứng dụng vào việc chế tác pháp lam Huế, muộn nhất là từ năm 1827. Việt Nam gọi là *pháp lam*, có thể do sự liên hệ chủ yếu đến danh xưng *Cánh Thái (pháp) lam*. Ngoài ra như phân tích của một số nhà nghiên cứu, *pháp lam* với chữ *lam* có bộ *ngọc*, là sự uyển chuyển từ sự tiếp nhận chữ *lang - lam* của Hán tự đồng thời tránh việc phạm húy tên Lan của hoàng gia. Pháp lam Huế có hình thức và công năng đa dạng, ngoài các vật dụng sinh hoạt (dành cho vương triều) còn có các chi tiết trang trí dùng cho công trình kiến trúc, cả nội thất và ngoại thất. Về kỹ thuật thai cốt, chủ yếu là dạng thai cốt đồng phủ men, không thấy có kiểu thai cốt bằng bằng gốm sứ, pha lê. Kỹ thuật vẽ và men màu cơ bản là ở loại hình *họa pháp lam* (6).

Tìm hiểu về loại hình pháp lam Huế, việc đối chiếu với tư liệu Trung Quốc và so sánh với những hiện vật *pháp lam khí* Trung Hoa tiêu biểu lưu trữ trong các bảo tàng có thể giúp một cái nhìn bao quát, rõ ràng hơn về sự tương đồng và khác biệt trong kỹ thuật chế tác, mỹ thuật, phạm vi ứng dụng... Mối liên hệ về kỹ thuật - mỹ thuật giữa *họa pháp lam* trên thai cốt kim loại và *họa pháp lam* trên đồ sứ, đồ thủy tinh vào cùng thời kỳ đó cũng là yếu tố quan trọng cần lưu ý. Ngoài ra còn cần chú ý đến sản phẩm ở giai đoạn tương đương từ nguồn xuất xứ Âu châu của nghệ thuật *pháp lam*, cũng như sản phẩm Á Đông như *shippo-yaki* của Nhật Bản. Sự ra đời, phát triển và lý do mai một của nghề chế tác pháp lam Huế có thể được đặt trong bối cảnh chung của mỹ nghệ truyền thống ở từng giai đoạn lịch sử (6).

Trong bài viết này, chúng tôi giới hạn ở việc trình bày vắn tắt một số tư liệu nhận định về nghệ thuật *pháp lam* Trung Hoa và xuất xứ châu Âu của nó. Quý độc giả có thể tham khảo thêm về Pháp lam Huế Việt Nam (cũng như *shippo-yaki* Nhật Bản) qua các hiện vật đặc sắc trong các sưu tập và đối chiếu qua những chuyên khảo riêng.

* Thạc sĩ - Khoa Kiến thức Cơ bản, ĐH Mỹ thuật TP HCM. Bài đã đăng trong *Thông tin Mỹ thuật* số 4 - tháng 8 năm 2015, Trường ĐHMT TP HCM.

Chú thích:

1. Sách *Thái bình ngự lãm* 太平御覽 (được biên soạn vào thời Tống) đã dẫn *Đường thư* 唐書 ghi nhận cách gọi đế quốc Đông La Mã là *Phật lâm* 佛林 [xem thêm <http://ctext.org/text.pl?node=400276&if=en>].
2. Theo bản tiếng Anh: "*Nie-gu-hun, a person formerly of the country of Fu-lin, was sent to take a proclamation of instruction for the king of that country...*" [<http://eprints.nus.edu.sg/msl/entry/837>].
3. Theo Ulrich Theobald [<http://www.chinaknowledge.de/Literature/Science/shuyuzhouzilu.html>].
4. Về loại hình đồ sứ men *phấn thái* và *đương thái*, cùng mối liên hệ với nghệ thuật *họa pháp lam*, chúng tôi xin trình bày trong một bài viết riêng.
5. Trần Lâm Biền, trong cuốn *Mỹ thuật Huế* (Nhiều tác giả, Viện Mỹ thuật - Trung tâm Bảo tồn Di tích Huế 1992), có giả thuyết là "Nhu thể, có thể nghĩ cũng như nhiều hình thức khác (như khảm sành sứ), pháp lam Huế đã mang tư cách về một hướng đi đầu tiên của nền hội họa Việt (?)".
6. Các tác giả Nguyễn Quân, Phan Cẩm Thượng trong *Mỹ thuật của người Việt* (NXB Mỹ thuật 1989) cho rằng sau năm 1858, ý nói sau thời điểm người Pháp bắt đầu xâm lăng Việt Nam, các lò sản xuất pháp lam Huế bị ngưng trệ rồi bị tiêu diệt hẳn.

Tài liệu dẫn:

1. Nguyễn Đình Đầu, "Đồ cổ pháp lam của kinh thành Huế" [theo bài đã đăng trong www.sfa-antiques.com].
2. Trần Đức Anh Sơn, "Pháp lam, Pháp lam và Shippoyaki", *Thông tin Mỹ thuật* (số 13-14, Tháng 12 năm 2006), 7-12.
3. Trần Đức Anh Sơn, "Pháp lam Huế - những nhận thức mới" [theo bài đã đăng trong www.sfa-antiques.com].
4. Chen Xiasheng (陳夏生 *Trần Hạ Sinh*), *Minh Thanh pháp lam khí đặc triển khái thuật* 明清琺瑯器特展概述, nguồn online [http://www.npm.gov.tw/exhibition/cena0003/ena_c1.htm].
5. *Trung Hoa bách khoa toàn thư* 中華百科全書, nguồn online [<http://ap6.pccu.edu.tw/Encyclopedia>]. Các phần về nghệ thuật *pháp lam* do Liu Liangyou (劉良佑 Lưu Lương Hữu) soạn.
6. Dữ liệu ảnh của National Palace Museum [<http://antiquities.npm.gov.tw/~textdb2/NPMv1/sindex.php>].
7. Dữ liệu ảnh và bài của Victoria & Albert Museum [<http://www.vam.ac.uk/content/articles/j/japanese-cloisonne-an-introduction/>].
8. http://www.shippoyaki.jp/e_history.html